

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2020

V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Trần Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Mỹ T** - sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn T2, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Quốc Đ** - sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn T2, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 09/12/2010. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha mẹ chồng. Đến năm 2012 sống tại nhà riêng cha mẹ chồng xây thêm tại thôn T2, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015, giữa chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không chăm lo cho gia đình, mà cờ bạc, gây nợ nần số tiền lớn chị không thể trả nợ được. Chủ nợ kéo đến gây sự làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Chị và gia đình có khuyên can nhưng anh Đ không nghe. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với

anh Đ được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh Đ có 03 con chung tên Trần Thái Nhật V – sinh ngày 19/02/2012; Trần Thái Khánh L – sinh ngày 11/4/2016 và Trần Bảo D – sinh ngày 05/9/2018. Các con chung hiện đang sống cùng chúng chị. Chị có nguyện vọng nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

* Cháu Trần Thái Nhật V trình bày: Cháu là con của ba Trần Quốc Đ và mẹ Trần Thị Mỹ T cháu đang sống cùng ba, mẹ tại thôn T2, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Cháu đang học lớp 2 của Trường Tiểu học C. Ba cháu hay đi khỏi nhà, có lúc về nhà vào buổi tối. Cháu muốn ở cùng mẹ. Đây là nguyện vọng của cháu, mong Toà xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Trần Quốc Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao các con chung là Trần Thái Nhật V – sinh ngày 19/02/2012; Trần Thái Khánh L – sinh ngày 11/4/2016 và Trần Bảo D – sinh ngày 05/9/2018 cho chị T chăm sóc. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Đ. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 09/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Đ gây nợ cờ bạc, chị không có khả năng trả nợ, chủ nợ đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Hội đồng xét xử thấy giữa chị T và anh Đ không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung tên Trần Thái Nhật V – sinh ngày 19/02/2012; Trần Thái Khánh L – sinh ngày 11/4/2016 và Trần Bảo D – sinh ngày 05/9/2018, con chung hiện đang sống cùng chị T. Hội đồng xét xử thấy, các con chung hiện ở cùng mẹ tình cảm mẹ con gắn bó, cháu V có bản trình bày muốn sống cùng mẹ, cháu D chưa được 36 tháng tuổi nên phải do mẹ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao 03 con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

* Về con chung: Giao các cháu Trần Thái Nhật V – sinh ngày 19/02/2012; Trần Thái Khánh L – sinh ngày 11/4/2016 và Trần Bảo D – sinh ngày 05/9/2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Trần Thị Mỹ T phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2019/0004312 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị T đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã C (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

